

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 01-7-2022  
V/v “TrAh chấp về ly hôn, nuôi con  
giữa bà A với ông T”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH An Giang**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Ngọc Hân.

2. Ông Lê Quốc Dũng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc “TrAh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 185/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Long Thạnh 2, xã L1, huyện CM, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lương Sơn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Thạnh, xã MHH, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NHẬN THẤY:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:*

Về quA hệ hôn nhân: Vợ chồng do quen biết, tiến tới hôn nhân năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MHH, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, ngày 20/02/2017.

Thời giA đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quA điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lương ThAh Nhàn, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Thị Thùy Dung, sinh ngày 27/8/2019. Hiện con chung đAg sinh sống với ông T. Đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về quA hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lương Sơn T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông T. Bị đơn ông T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Lương Thanh Nhàn, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Thị Thùy Dung, sinh ngày 27/8/2019. Đề nghị giao các cháu cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không trình bày ý kiến nên đề nghị không xem xét.

- Về quA hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của bà A; Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] TrAh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn Lương Sơn T: Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 5 năm 2022 thể hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ủy bA nhân dân xã MHH, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định mà vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quA, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân: Bà A, ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã MHH, thành phố L, tỉnh A GiAg, phù hợp quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không còn tình cảm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, bỏ mặc cho bà A tự giải quyết, không quA tâm đến việc hàn gắn quA hệ vợ chồng. Xét, mối quA hệ vợ chồng là mối quA hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm sóc và nuôi dạy con. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng ông bà ly thân đã lâu, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà A yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà A và ông T có 02 con chung tên Lương ThAh Nhân, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Thị Thùy Dung, sinh ngày 27/8/2019. Hiện cháu Nhân, cháu Dung đAg do ông T chăm sóc nuôi dưỡng, bà A đồng ý giao các cháu cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ khi ly thân đến nay ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, bà A không cùng ông T nuôi dưỡng các cháu. Bà A đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không ý kiến, cháu Nhân có nguyện vọng được chung sống với ông T. Xét, yêu cầu của bà A, nguyện vọng của cháu Nhân, tình trạng sinh sống hiện tại của các cháu, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A giao cháu Nhân, cháu Dung

cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Lương Sơn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Kim A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhân, cháu Dung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không ý kiến, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quA hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001133 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quA hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A. Bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn ông Lương Sơn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Ủy bA nhân dân xã MHH, thành phố L, tỉnh A GiAg, cấp cho bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lương Sơn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Lương Sơn T có 02 con chung tên Lương ThAh Nhân, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Thị Thùy Dung, sinh ngày 27/8/2019. Hiện cháu Nhân, cháu Dung đAg do ông T chăm sóc nuôi dưỡng.

2.2. Giao 02 con chung tên Lương ThAh Nhân, sinh ngày 17/01/2015 và Lương Thị Thùy Dung, sinh ngày 27/8/2019 cho ông Lương Sơn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lương Sơn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Kim A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nhân, cháu Dung. Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không ý kiến, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001133 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAD tỉnh A GiAg;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND xã MHH, LX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Ngọc Hân    Lê Quốc Dũng**

**Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***

- TAD tỉnh A GiAg;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND phường Mỹ Thạnh, LX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn   Lê Thị ThAh Vân**

**Lê Thị Hồng Thi**



